

Số: /NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 3419/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 63/BC-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Bổ sung 27 công trình, dự án thu hồi đất với diện tích 812,85ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục I)

2. Điều chỉnh (tên gọi, vị trí, diện tích) 09 công trình, dự án tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, diện tích chênh lệch giảm 32,4ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục II)

3. Những công trình, dự án tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh không có tên trong các Phụ lục kèm theo Nghị quyết này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tiếp tục xem xét giải quyết việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp đối với 01 dự án có nguồn gốc đất do các tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất trồng lúa với diện tích 9,5ha để thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và quy định pháp luật *(Chi tiết đính kèm Phụ lục I)*.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, AT, App, Web;
- Lưu: VT, Tuần (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc

Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-----|--|---|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|-----------|---|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| A | CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT | 27 | 812,89 | 0,04 | 812,85 | | | | |
| A.1 | CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG | 24 | 185,89 | 0,04 | 185,85 | | | | |
| I | Thành phố Thủ Dầu Một | 1 | 2,04 | | 2,04 | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (giai đoạn 1) | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông | 2,04 | | 2,04 | Công trình dạng tuyến | Hòa Phú | Ngân sách | Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) |
| II | Thành phố Thuận An | 4 | 5,64 | 0,00 | 5,64 | | | | |
| 1 | Trục thoát nước Bung Bịp - Suối Cát: hạng mục công qua đường Hồ Văn Mên trên kênh suối con | Ban Quản lý dự án tỉnh | 0,15 | | 0,15 | Công trình dạng tuyến | An Thạnh | Ngân sách | Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách địa phương. Số thứ tự 29 Phụ lục IV, vốn thực hiện dự án: 60.000 triệu đồng |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|------------|--|---|-------------------------|---------------------------|--------------------------|--|--------------------------------|--------------|---|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| 2 | Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài (bổ sung nút Giao với đường Vành Đai 3) | UBND thành phố Thuận An | 0,01 | | 0,01 | Công trình dạng tuyến | An Thạnh | Ngân sách | Quyết định số 8898/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Thuận An về Kế hoạch đầu tư công năm 2023. Số thứ tự 19 Phụ lục V, vốn thực hiện dự án: 10.000 triệu đồng |
| 3 | Dự án Trung tâm văn hóa Thể dục Thể thao thị xã Thuận An | UBND thành phố Thuận An | 5,40 | | 5,40 | | Lái Thiêu | Ngân sách | Quyết định số 8898/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Thuận An về Kế hoạch đầu tư công năm 2023. Số thứ tự 61 Phụ lục V, vốn thực hiện dự án: 5.785 triệu đồng |
| 4 | Đường Thuận Giao 03 nối dài | UBND phường Thuận Giao, thành phố Thuận An | 0,08 | | 0,08 | Công trình dạng tuyến | Thuận Giao | Xã hội hóa | Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| III | Thành phố Dĩ An | 1 | 0,09 | 0,04 | 0,05 | | | | |
| 1 | Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường kết nối dự án Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng dẫn ra tuyến QL 1A, phường An Bình | Công ty Cổ phần khách sạn đầu tư Kim Sơn | 0,09 | 0,04 | 0,05 | Một phần thửa đất số 650, 651, 652, 1683, 1712 tờ bản đồ số 34 (9AB.4) | An Bình | Doanh nghiệp | Văn bản số 1182/UBND-KT ngày 24/5/2023 của UBND thành phố Dĩ An về việc đầu tư, mở rộng tuyến đường kết nối dự án Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng dẫn ra tuyến QL 1A, phường An Bình |
| IV | Thành phố Tân Uyên | 1 | 115,00 | 0,00 | 115,00 | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (giai đoạn 1) | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông | 115,00 | | 115,00 | Công trình dạng tuyến | Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Vĩnh Tân | Ngân sách | Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-----------|--|--|-------------------------|---------------------------|--------------------------|--|------------|-----------|---|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| V | Thị xã Bến Cát | 1 | 0,65 | 0,00 | 0,65 | | | | |
| 1 | Đường từ Trạm y tế xã An Điền đến Trường THCS xã An Điền, xã An Điền | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Bến Cát | 0,65 | | 0,65 | Công trình dạng tuyến | An Điền | Ngân sách | Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thị xã Bến Cát về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023. STT 58, Phụ lục 2, Trang 5, số vốn thực hiện 4.000 triệu đồng |
| VI | Huyện Phú Giáo | 4 | 5,44 | 0,00 | 5,44 | | | | |
| 1 | Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Hòa | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Phú Giáo | 5,00 | | 5,00 | Một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ số 57 | Phước Hòa | Ngân sách | Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2023. Vốn thực hiện công tác đền bù năm 2023: 6.535 triệu đồng |
| 2 | Nâng cấp BTXM đường Phước Sang 05 | UBND xã Phước Sang, huyện Phú Giáo | 0,07 | | 0,07 | Công trình dạng tuyến | Phước Sang | Ngân sách | Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2023. Vốn phân cấp xã Phước Sang thực hiện năm 2023: 3.375 triệu đồng |
| 3 | Nâng cấp BTXM đường Phước Sang 08 | UBND xã Phước Sang, huyện Phú Giáo | 0,06 | | 0,06 | Công trình dạng tuyến | Phước Sang | Ngân sách | Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2023. Vốn phân cấp xã Phước Sang thực hiện năm 2023: 3.375 triệu đồng |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|------------|--|---|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------|--|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| 4 | Nâng cấp BTXM đường Bàu Chân Mẩn | UBND xã Phước Sang, huyện Phú Giáo | 0,31 | | 0,31 | Công trình dạng tuyến | Phước Sang | Ngân sách | Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Phú Giáo về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2023. Vốn phân cấp xã Phước Sang thực hiện năm 2023: 3.375 triệu đồng |
| VII | Huyện Bắc Tân Uyên | 2 | 54,00 | 0,00 | 54,00 | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (giai đoạn 1) | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông | 24,00 | | 24,00 | Công trình dạng tuyến | Đất Cuốc, Tân Lập, Bình Mỹ | Ngân sách | Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) |
| 2 | Dự án xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc | Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông | 30,00 | | 30,00 | Công trình dạng tuyến | Thường Tân, Tân Mỹ | Ngân sách | Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 728a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách địa phương. Số thứ tự 35 Phụ lục IV, vốn thực hiện dự án: 55.000 triệu đồng |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-------------|--|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|------------|--|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| VIII | Huyện Dầu Tiếng | 10 | 3,03 | 0,00 | 3,03 | | | | |
| 1 | Nâng cấp đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Phong ấp Bờ Càng, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,50 | | 0,50 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 24/12/2022 của HĐND xã Long Tân về kế hoạch đầu tư công năm 2023. Vốn thực hiện dự án: 3.800 triệu đồng |
| 2 | Nâng cấp BTN đường GTNT từ ĐH 716 đến nhà ông Liêm ấp Bờ Càng xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,10 | | 0,10 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Xã hội hóa | Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 24/12/2022 của HĐND xã Long Tân về kế hoạch đầu tư công năm 2023. Vốn (xã hội hóa) thực hiện dự án: 1.800 triệu đồng |
| 3 | Sửa chữa, dặm vá tuyến đường GTNT từ ĐT 749D đến nhà bà Ngân ấp Bờ Càng, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,20 | | 0,20 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-----|---|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|-----------|--|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| 4 | Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT Long Tân 71 (đoạn từ ĐH 716 đến đất ông Phàng áp Hồ Đá, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,20 | | 0,20 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |
| 5 | Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT từ ĐT 749A đến nhà ông Châu, ấp Long Chiêu xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,30 | | 0,30 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |
| 6 | Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà ông Thành) ấp Cống Quẹo, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,14 | | 0,14 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |
| 7 | Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Nguyễn) ấp Vũng Tây, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,31 | | 0,31 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-----|---|--------------------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|-----------|---|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| 8 | Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT749A đến lô 27) ấp Long Chiêu, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,48 | | 0,48 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |
| 9 | Nâng cấp sỏi đỏ đường GTNT (từ ĐT 749D đến đất ông Tiền) ấp Hóc Măng, xã Long Tân | UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng | 0,50 | | 0,50 | Công trình dạng tuyến | Long Tân | Ngân sách | Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND xã Long Tân về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023 (vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu) |
| 10 | Nâng cấp đường GTNT Từ ĐH 713 đến ngã 3 nhà ông Nhảy, ấp Suối Cát (Thanh Tuyền 115); Từ nhà bà Dặng đến lô 46 NTCS An Lập, ấp Đường Long (Thanh Tuyền 84) | UBND xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng | 0,30 | | 0,30 | Công trình dạng tuyến | An Lập | Ngân sách | Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND xã Thanh Tuyền về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Dầu Tiếng về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND xã Thanh Tuyền về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2023. Vốn thực hiện dự án: 3.665 triệu đồng |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Địa điểm | | Nguồn vốn | Pháp lý dự án |
|-------------|---|---|-------------------------|---------------------------|--------------------------|--|----------------|--------------------------|---|
| | | | | | | Vị trí: số tờ, thửa | Cấp xã | | |
| A.2 | CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI | 3 | 627,00 | | 627,00 | | | | |
| 1 | Khu đô thị Bắc An Tây | | 70,00 | | 70,00 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 43, 44, 49, 50 | An Tây | Đấu thầu thực hiện dự án | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bến Cát và Phương án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh |
| 2 | Khu đô thị Đông An Tây | | 289,00 | | 289,00 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 49, 50, 54, 55, 58, 59, An Tây; 10, 11, 18, 19, Phú An | An Tây, Phú An | Đấu thầu thực hiện dự án | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bến Cát và Phương án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh |
| 3 | Khu đô thị Tây An Tây | | 268,00 | | 268,00 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 48, 49, 53, 54, 57, 58, 60, 61, An Tây; 19, 26, Phú An | An Tây, Phú An | Đấu thầu thực hiện dự án | Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bến Cát và Phương án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh |
| B | CÔNG TRÌNH CMB CÓ SỬ DỤNG ĐẤT LỬA | 1 | 9,50 | 0,00 | 9,50 | | | | |
| 1 | Dự án Mô đá xây dựng Thường Tân II | Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Long Sơn | 9,50 | | 9,50 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 18, 26 | Thường Tân | Doanh nghiệp | Giấy phép số 101/GP-UBND ngày 14/11/2003; Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 10/GP-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh |
| TỔNG | | 28 | 822,39 | 0,04 | 822,35 | | | | |

| STT | Hạng mục | Trước điều chỉnh | | | | Sau điều chỉnh | | | | | Chênh lệch (ha) |
|------------|---|------------------|--|-----------------|----------------------|--|----------------|--|------------------------------------|--------------|-----------------|
| | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Cấp xã | Năm đăng ký kế hoạch | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Cấp xã | Nguồn vốn | |
| 4 | Đường dây đầu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ | 0,40 | Công trình dạng tuyến | Uyên Hưng | Năm 2022 | Đường dây đầu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ | 0,58 | Công trình dạng tuyến | Uyên Hưng | Doanh nghiệp | 0,18 |
| III | Thị xã Bến Cát | 59,22 | | | | | 104,40 | | | | 45,18 |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan (Nâng cấp mở rộng Cầu Quan) | 0,76 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, 22, 23, 30, 48 | Mỹ Phước | Năm 2015 | Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan (Nâng cấp mở rộng Cầu Quan) | 0,84 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, 22, 23, 30, 48 | Mỹ Phước | Ngân sách | 0,08 |
| 2 | Đường Vành đai 4 | 58,46 | Công trình dạng tuyến | An Điền, An Tây | Năm 2022 | Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 4 thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (giai đoạn 1) | 103,56 | Công trình dạng tuyến | Hòa Lợi, Thới Hòa, An Điền, An Tây | Ngân sách | 45,10 |
| IV | Huyện Phú Giáo | 0,65 | | | | | 0,23 | | | | -0,42 |
| 1 | Đường Trại Ngõng (Đoạn 01: Điểm đầu: đường Trắng, điểm cuối giáp đường Bờ Kênh. Đoạn 02: Điểm đầu: đường Trắng, điểm cuối giáp đường Kênh N2) | 0,65 | Công trình dạng tuyến | Phước Sang | Năm 2023 | Đường Trại Ngõng (Đoạn 01: Điểm đầu: đường Trắng, điểm cuối giáp đường Bờ Kênh) | 0,23 | Công trình dạng tuyến | Phước Sang | Ngân sách | -0,42 |

| STT | Hạng mục | Trước điều chỉnh | | | | Sau điều chỉnh | | | | | Chênh lệch (ha) |
|-----|--------------------------------|------------------|---|---|----------------------|--------------------------------|----------------|------------------------------------|-----------|-----------|-----------------|
| | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Cấp xã | Năm đăng ký kế hoạch | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Cấp xã | Nguồn vốn | |
| V | Huyện Bắc Tân Uyên | 79,27 | | | | | 2,00 | | | | -77,27 |
| 1 | Chuyển đổi công năng hồ Đá Bàn | 79,27 | Tờ bản đồ số 23, 28, 29, 36 thị trấn Tân Thành; tờ bản đồ số 29, 36, 01 xã Đất Cuốc và tại các trạm hiện hữu + dọc theo các tuyến kênh tưới ở địa bàn các xã Thường Tân, Tân Mỹ, Lạc An | Tân Thành, Đất Cuốc, Lạc An, Thường Tân, Tân Mỹ | Năm 2022 | Chuyển đổi công năng hồ Đá Bàn | 2,00 | Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 28 | Tân Thành | Ngân sách | -77,27 |
| | TỔNG | 156,91 | | | | | 124,51 | | | | -32,40 |